

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST  
Ngày: 16-01-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tống Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 167/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: cụm C, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Anh V; địa chỉ: E Ngõ T, Q, Đ, Hà Nội, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 21/11/2024). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Công ty TNHH B

Địa chỉ: lô O, khu công nghiệp N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Choi Young S, sinh năm 1971; chỗ ở hiện tại: CA1-21 R, P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc). (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2022, Công ty Cổ phần H (sau đây viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH B (sau đây viết tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán tro bay số 15/2022/HĐNT/HS-CA, theo đó, Công ty H bán tro bay cho Công ty B. Tại Điều 2.1 của hợp đồng, số lượng tro bay căn cứ vào nhu cầu cũng như khả năng sử dụng từng thời điểm của Công ty B, thông qua hình thức đặt hàng bằng fax hoặc điện thoại. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã ký kết phụ lục hợp đồng số 01/PL-15/2022/HĐNT/HS-CA ngày 12/5/2022 và thống nhất đơn giá bán là 333.333 đồng/tấn tro bay, giao hàng đến trạm C.

Công ty H đã thực hiện việc giao hàng, xuất hóa đơn, đối chiếu công nợ hàng tháng giữa hai bên từ tháng 5/2022 đến hết tháng 2/2023, cụ thể:

Tháng phát sinh	Số tiền Hoàng Sơn đã xuất hóa đơn	Số tiền Bê Tông CA đã thanh toán	Số tiền dư nợ	Số hóa đơn
Tháng 5/2022	105.533.895	105.533.895	0	31
Tháng 6/2022	174.805.025	174.805.025	0	87
Tháng 7/2022	113.605.087	113.605.087	0	161
Tháng 8/2022	92.192.308	92.192.308	0	256
Tháng 9/2022	142.660.657	142.660.657	0	309
Tháng 10/2022	176.291.824	176.291.824	0	387
Tháng 11/2022	174.657.425	23.708.176	150.949.249	437
Tháng 12/2022	210.696.989	0	210.696.989	524
Tháng 1/2023	93.422.907	0	93.422.907	17
Tháng 2/2023	71.730.929	0	71.730.929	64
Tổng cộng	1.355.597.046	828.796.972	526.800.074	

Ngày 03/01/2024, Công ty H và Công ty B đã ký biên bản đối chiếu công nợ số 12/2023/BBCCN/HS-CA, theo đó tổng số tiền Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty H là tính đến hết ngày 31/12/2023 là 526.800.074 đồng.

Từ năm 2023 đến nay, Công ty H đã nhiều lần liên hệ với Công ty CA qua điện thoại và làm việc trực tiếp để yêu cầu Công ty B thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ nhưng Công ty B không thực hiện việc thanh toán.

Do đó, Công ty H khởi kiện đối với Công ty B yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Công ty B thanh toán cho Công ty H tổng số tiền 598.685.945 đồng, bao gồm nợ gốc là 526.800.074 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 07%/năm là 71.885.871 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty CA theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty CA không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là tro bay. Bị đơn Công ty CA có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty H và Công ty B có quan hệ mua bán theo hợp đồng nguyên tắc mua bán tro bay số 15/2022/HĐNT/HS-CA ngày 12/5/2022, phụ lục hợp đồng số 01/PL-15/2022/HĐNT/HS-CA ngày 12/5/2022, theo đó Công ty H bán hàng hoá là tro bay cho Công ty CA. Sau khi hợp đồng hết hạn ngày 31/12/2022, các bên không có thông báo về việc không gia hạn hợp đồng mà vẫn thực hiện việc mua bán theo các nội dung đã thỏa thuận nên hợp đồng được gia hạn thêm 01 năm kể từ ngày 31/12/2022 theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng. Quá trình mua bán, Công ty H đã giao hàng cho Công ty CA và đã xuất các hoá đơn số 437 ngày 29/11/2022, 524 ngày 30/12/2022, 17 ngày 31/01/2023, 64 ngày 27/02/2023, tổng số tiền các hoá đơn là 550.508.250 đồng, Công ty B đã thanh toán cho Công ty H một phần hóa đơn số 437 với số tiền 23.708.176 đồng, số tiền còn lại là 526.800.074 đồng. Đồng thời, ngày 03/01/2024, giữa Công ty H và Công ty B đã thực hiện việc đối chiếu công nợ, xác định Công ty CA còn nợ Công ty H tính đến hết ngày 31/12/2023

là 526.800.074 đồng. Vì vậy, việc Công ty B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty CA thanh toán số tiền còn nợ 526.800.074 đồng là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty H yêu cầu Công ty CA thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 7%/năm với số tiền 71.885.871 đồng. Tại Điều 3 của Hợp đồng, hai bên thỏa thuận: “*Đối với các hóa đơn bị quá hạn thanh toán, bên B sẽ phải chi trả thêm khoản tiền lãi suất trả chậm tương đương lãi xuất cho vay theo kỳ hạn 6 tháng của ngân hàng BI, tại thời điểm bắt đầu quá hạn áp dụng trên số tiền bị quá hạn và thời gian quá hạn...*”. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 16/01/2025) mức lãi suất cho vay theo kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng TMCP Đ là 7%/năm. Do đó, việc Công ty H yêu cầu Công ty CA thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 7%/năm với số tiền tính đến ngày xét xử là 71.885.871 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty CA phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 598.685.945 đồng, tương đương số tiền án phí: 27.947.438 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần H đối với bị đơn Công ty TNHH B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần H tổng số tiền 598.685.945 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), gồm có nợ gốc 526.800.074

đồng (Năm trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn không trăm bảy mươi tư đồng) và tiền lãi chậm thanh toán 71.885.871 đồng (Bảy mươi một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH B phải nộp số tiền 27.947.438 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng). Hoàn trả cho Công ty Cổ phần H số tiền 13.926.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004352 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**